TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày: 21/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- T12 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án thụ lý số 124/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022, về việc: "Tranh chấp về tài sản chung của dòng họ". Do có kháng cáo, đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1102/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Luyện Ngọc B, sinh năm 1955; Trú tại: Khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Hà Thị T1, sinh năm 1954. Trú tại: Khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt.

- Đại diện theo uỷ quyền: Anh Luyện Xuân T2, sinh năm 1983; Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị T1 và anh Luyện Xuân T2: Luật sư Nguyễn Thị H – Luật sư Công ty Luật TNHH Mai Phong, Đoàn luật sư T12 phố Hà Nội; Địa chỉ: số 202, đường Hoàng Quốc V, phường Nghĩa T4, quận Cầu Giấy, T12 phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan*:**

1. Uỷ ban nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H1 – Phó Giám đốc Văn Phòng Đăng ký đất đai và Phát triển quỹ đất huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn Lâm T, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

2. Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Minh H3 – Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã Sơn V1, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh Luyện Xuân T6, sinh năm 1981; Vắng mặt.

4. Anh Luyện Xuân T2, sinh năm 1983; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 16 xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

5. Chị Luyện Thị M, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm phố xã Quất L1, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc.

6. Anh Luyện Đình T3, sinh năm 1972; Vắng mặt.

7. Anh Luyện Thành T5, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 15 xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

8. Bà Luyện Thị H1, sinh năm 1950; Vắng mặt.

9. Bà Luyện Thị V2, sinh năm 1954; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu 10, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

10. Ông Luyện Đình Đ, sinh năm 1941; Vắng mặt.

11. Ông Luyện Đình T7, sinh năm 1962; Vắng mặt.

12. Ông Luyện Đình Đ1, sinh năm 1962; Vắng mặt.

13. Ông Luyện Đình Đ2, sinh năm 1988; Vắng mặt.

14. Ông Luyện T12 T8, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu 11, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

15. Ông Luyện Đình C, sinh năm 1956; Có mặt.

16. Ông Luyện Đình C1, sinh năm 1984; Vắng mặt.

17. Ông Luyện Đình U, sinh năm 1969; Vắng mặt.

18. Ông Luyện Ngọc S, sinh năm 1995; Vắng mặt.

19. Ông Luyện Quốc T9, sinh năm 1976; Vắng mặt.

20. Ông Luyện Cao C2, sinh năm 1974; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu 11, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

21. Bà Luyện Thị D, sinh năm 1962; Vắng mặt.

22. Anh Luyện Ngọc A, sinh năm 1978; Vắng mặt.

23. Anh Luyện Ngọc V, sinh năm 1983; Vắng mặt.

24. Bà Luyện Thị M1, sinh năm 1951; Vắng mặt.

25. Ông Luyện Đình B1, sinh năm 1960; Vắng mặt.

26. Bà Luyện Thị T10, sinh năm 1962; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu 11, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

27. Ông Luyện Đình L2, sinh năm 1969; Vắng mặt.

28. Anh Luyện Ngọc L3, sinh năm 1994; Vắng mặt.

29. Bà Luyện Thị X1, sinh năm 1964; Vắng mặt.

30. Ông Luyện Hữu T11, sinh năm 1955; Vắng mặt.

31. Ông Luyện Hữu D1, sinh năm 1959; Vắng mặt.

32. Chị Luyện Hữu Đ3, sinh năm 1986; Vắng mặt.

33. Ông Luyện Hữu S1, sinh năm 1969; Vắng mặt.

34. Ông Luyện Hữu N, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu 11, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

35. Ông Luyện Đình T12, sinh năm 1967; Vắng mặt.

36. Ông Luyện Ngọc H2, sinh năm 1973; Vắng mặt.
37. Bà Luyện Thị T13, sinh năm 1970; Vắng mặt.
38. Ông Luyện Đình C3, sinh năm 1976; Vắng mặt.
39. Ông Luyện Hữu T14, sinh năm 1955; Vắng mặt.
40. Ông Luyện Hữu Đ3, sinh năm 1981; Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu 12, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.
41. Ông Luyện Hữu H4, sinh năm 1984; Vắng mặt.
42. Ông Luyện Hữu S2, sinh năm 1962; Vắng mặt.
43. Ông Luyện Hữu K, sinh năm 1984; Vắng mặt.
44. Ông Luyện Quốc T20, sinh năm 1965; Vắng mặt.
45. Ông Luyện Hữu N1, sinh năm 1973; Vắng mặt.
46. Ông Luyện Trắc H5, sinh năm 1979; Vắng mặt.
47. Ông Luyện Trắc Đ4, sinh năm 1947; Vắng mặt.
48. Ông Luyện Trắc H6, sinh năm 1947; Vắng mặt
49. Bà Luyện Thị T15, sinh năm 1970; Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu 12, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.
50. Ông Luyện Ngọc H7, sinh năm 1962; Vắng mặt.
51. Ông Luyện Trắc H8, sinh năm 1975; Vắng mặt.
52. Ông Luyện Đình M2, sinh năm 1956; Vắng mặt.
53. Bà Luyện Thị H9, sinh năm 1954; Vắng mặt.
54. Bà Luyện Thị T16, sinh năm 1966; Vắng mặt.
55. Bà Luyện Bá S3, sinh năm 1938; Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu 12, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.
56. Ông Luyện Hồng T17, sinh năm 1976; Vắng mặt.
57. Ông Luyện Bá H10, sinh năm 1958; Vắng mặt.
58. Ông Luyện Bá M3, sinh năm 1931; Vắng mặt.
59. Ông Luyện Bá D2, sinh năm 1964; Vắng mặt.
60. Ông Luyện Bá C4, sinh năm 1962; Vắng mặt.
61. Ông Luyện Bá T18, sinh năm 1963; Vắng mặt.
62. Ông Luyện Lệ Quốc Y, sinh năm 1957; Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Khu 12, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Luyện Ngọc B khởi kiện trình bày và yêu cầu: Dòng họ Luyện của ông có 1 thửa đất diện T2 710m^2, tờ bản đồ số 03, thửa 130. Diện T2 trên dòng họ đã xây 1 nhà thờ 3 gian diện T2 65 m^2. Địa chỉ: Khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Năm 1980, dòng họ cho ông Luyện Đình L5 và bà Hà Thị T1 là con cháu trong dòng họ đến ở nhờ. Hiện nay bà T3 đã làm 01 nhà cấp 4 và cho con trai Luyện Xuân T2 cũng làm một nhà chiếm ½ diện T2 đất nhà Thờ họ. Năm 2017, dòng họ Luyện muốn

cơi nới xây nhà Thờ Họ. Bà T3 không trả đất mà bảo dòng họ gia đình tôi đã được UBND huyện Phong Châu (cũ), cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) toàn bộ diện T2 710m^2. Hiện tại bà Hà Thị T1, con trai Luyện Xuân T2 cùng vợ tên là Nguyễn Thị H11 đang sử dụng 406m^2 đất nhà Thờ họ. Bà T3 đã làm một nhà lợp ngói cấp 4 – 4 gian, anh T2 làm một nhà cấp 4 - 1 gian 2 mái lợp Plôximăng. Nay nguyên đơn đề nghị: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Phong Châu (cũ), nay là UBND huyện Lâm T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B129141 ngày 5/06/1997 cho Hộ ông Luyện Đình L5 và bà Hà Thị T1. Buộc gia đình ông L6 bà T3 phải trả lại toàn bộ diện T2 710 m^2 cho dòng họ Luyện.

2. Quan điểm của bị đơn là bà Hà Thị T1 trình bày: Về nguồn gốc sử dụng đất, năm 1980 bà lấy chồng là ông Luyện Đình L5 và ở trên diện T2 đất này từ đó đến nay. Khi đó, bà và ông L6 ở tại nhà Thờ họ Luyện. Đến năm 1988, vợ chồng bà xây một nhà ba gian để ở trên diện T2 đất liền, phần còn lại phía trước là cái ao, nhà ba gian hiện nay vẫn còn. Từ năm 1988 đến năm 2004, bà đổ đất cải tạo ao để trở T12 đất liền thửa như hiện nay. Hiện tại diện T2 là 710m^2, thửa số 130, tờ số bản đồ 03 gồm có các tài sản sau: 01 nhà thờ dòng họ Luyện đã có từ lâu, khoảng 100 tuổi, 01 nhà cấp bốn do bà và 03 con là anh Luyện Xuân T6, anh Luyện Xuân T2, chị Luyện Thị M xây năm 2005. Năm 2012 anh T12 có sửa lại nhà, cụ thể lát nền nhà bằng gạch, ốp tường gạch đóng trần nhà bằng tôn. Năm 2019 anh T12 xây dựng công trình phụ, diện T2 nhà xây nối liền với nhà ba gian xây từ năm 1988. Hiện nay anh T12 sử dụng 02 gian, anh T2 sử dụng một gian, vị trí nhà: phía trước giáp sân; phía sau giáp với ông bà L, T7; bên phải giáp nhà anh Nguyễn Mạnh H12, bên trái giáp nhà anh T2. Năm 2010 anh T2 xây dựng thêm 01 gian liền kề T12 một nhà ở. Vị trí nhà: phía trước giáp sân, phía sau giáp đất nhà ông Luyện Đình Đ, bên trái giáp bức tường do dòng họ xây dựng từ lâu (không nhớ năm xây dựng); bên phải giáp nhà anh T12. Năm 2002, dòng họ làm con đường đi vào nhà ông Luyện Đình Đ trên diện T2 đất của bà và gia đình, bà không có ý kiến gì, lối đi vẫn được sử dụng từ đó đến nay. Lối đi có 1 cạnh giáp bức tường do dòng họ Luyện xây dựng từ lâu (bà không nhớ thời gian cụ thể), ngăn cách diện T2 đất làm nhà ở với diện T2 đất làm nhà Thờ họ; một cạnh lối đi giáp với sân của nhà thờ họ. Bà và ông Luyện Đình L5 là vợ chồng và có 03 người con là Luyện Xuân T6, Luyện Xuân T2, Luyện Thị M. Chồng tôi (ông L5) còn có 02 người con riêng là: Luyện Đình T19 và Luyện

Đình T3 trú tại khu 10 xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Nay ông B đòi đất của dòng họ, đề nghị giải quyết cho được quyền sử dụng đất như hiện nay đang quản lý, nhất trí trả lại đất cho dòng họ diện T2 đất mà dòng họ vẫn quản lý từ trước tới nay.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

3.1. Đại diện UBND huyện Lâm T trình bày: Theo bản đồ 299 xã Vĩnh L đo đạc năm 1988, thửa đất co tranh chấp là thửa đất số 142, thuộc tờ bản đồ số 03, diện T2 800m^2 đất thổ cư (không có ranh giới với diện T2 đất nhà họ Luyện và đất của ông Luyện Đình L5). Việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Luyện Đình L5, khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T do UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp năm 1997. Hiện nay UBND huyện Lâm T chỉ còn lưu trữ hồ sơ: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sổ địa chính, sổ mục kê địa chính và một số tài liệu khác, năm 1997, UBND huyện Phong Châu (cũ) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 130, tờ bản đồ 03, diện T2 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn là 510m^2) cho hộ ông Luyện Đình L5, khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Năm 1993, thực hiện chủ trương đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử hữu quyền sử dụng đất cho nhân dân trong đó có gia đình ông Luyện Đình L5 kê khai đăng ký thửa đất số 130, tờ bản đồ 03, diện T2 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn 510m^2). Căn cứ vào kết quả kê khai đăng ký của nhân dân, Hội đồng đăng ký đất đai xã Vĩnh L đã tiến hành xét duyệt các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và thông báo công khai công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xét duyệt xong, UBND xã Vĩnh L hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp giấy chứng nhận cho nhân dân. Ngày 05/6/1997, UBND huyện Phong Châu đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1988 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn của xã Vĩnh L. Trong đó gia đình ông Luyện Đình L5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B129141 (số vào sổ 1845) ngày 05/6/1997, tại thửa số 130, tờ bản đồ số 03, diện T2 đất 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn lại 510m^2). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Luyện Đình L5, khu 16, xã Vĩnh L là đúng quy trình theo quy định của Luật Đất đai năm 1993. Quá trình đo đạc, kê khai đăng ký, kê khai toàn bộ diện tích đất của nhà Thờ dòng họ Luyện và phần đất ông Luyện Đình L5 đang sử dụng (đã làm nhà ở) gộp T12 thửa đất số, tờ bản đồ số 03, diện tích 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn 510m^2. Gia đình ông L6 được cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích thửa trên

(bao gồm diện tích đất dòng họ Luyện và phần đất của ông Luyện Đình L5 sử dụng) là có sai sót. Hiện nay thửa đất trên một phần diện tích gia đình ông Luyện Đình L5 đang sử dụng xây dựng nhà và công trình, phần còn lại họ Luyện sử dụng để làm nhà thờ của họ. Về việc đề nghị hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B129141 ngày 5/06/1997 của hộ ông Luyện Đình L5. Địa chỉ: khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T do UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp năm 1997, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Đại diện UBND xã Vĩnh L trình bày: Về nguồn gốc đất và quá trình cấp GCNQSD đất. Trước năm 1988, UBND xã Vĩnh L không lưu trữ được hồ sơ giấy tờ liên quan đến thửa đất trên. Năm 1988, căn cứ theo dõi quản lý ruộng đất của UBND xã và bản đồ đo đạc năm 1988 thửa đất trên thửa số 142, tờ bản đồ số 03, diện T2 800m^2 trong sổ theo dõi quản lý đất đã ghi: Ông Nguyễn Đình L5 sử dụng: 1 sào 9 thước = 576m^2 ; Dòng họ Luyện sử dụng: 9 thước = 216m^2 ; Đến năm 1993, xã Vĩnh L được nhà nước hỗ trợ kinh phi lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho nhân dân. Thời điểm này thì ông Luyện Đình L5 đã kê khai sau đó được UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích thửa đất trên, cấp ngày 5/6/1997 mang tên "Ông Luyện Đình L5" trong đó thửa số 130, tờ bản đồ số 03, diện tích 710m^2(200m^2 đất ở + 510m^2 đất vườn) và 1586m^2 đất lúa. Theo nguồn gốc đất đây là thửa đất của dòng họ Luyện đã có từ lâu đời sau đó họ Luyện cho hộ ông Luyện Đình L5 ở nhờ. Đến năm 1993 do sơ suất nên đã cấp GCNQSD đất toàn bộ thửa đất trên cho hộ ông Luyện Đình L5. Nay dòng họ Luyện muốn lấy lại mảnh đất trên. Để đảm bảo quyền lợi giữa gia đình bà T3 và dòng họ Luyện, UBND xã đề nghị tòa án tỉnh xem xét: Thu hồi thửa đất, tờ bản đồ số 03. Diện T2 710m^2 (200m^2 đất ở + 510m^2 đất vườn). Cấp đổi cho ông Luyện Đình L5 ¼ diện tích thửa đất trên (tương đương với 180m^2 để hộ ông Luyện Đình L5 có nơi sinh sống do gia đình ông Luyện Đình L5 có công cải tạo đất từ năm 1988. Phần còn lại ¾ diện tích thửa đất trên (530m^2) cấp cho dòng họ Luyện.

3.3. Anh Luyện Xuân T2: Dòng họ Luyện muốn lấy lại mảnh đất trên, để đảm bảo quyền lợi giữa gia đình tôi và dòng họ Luyện, đề nghị được quyền sử dụng đất như hiện nay đang quản lý, nhất trí trả lại đất cho dòng họ diện tích đất mà dòng họ vẫn quản lý từ trước tới nay.

3.4. Anh Luyện Đình T3, anh Luyện Thành T5 đề nghị được quyền sử dụng đất như hiện nay tôi đang quản lý, nhất trí trả lại đất cho dòng họ diện tích

đất mà dòng họ vẫn quản lý từ trước tới nay. Nếu được chia đất thì cho bà T3 và đề nghị không tham gia giải quyết.

3.5. Bà H1, bà V2, ông Đ, ông T7, ông Đ1, ông Đ2, ông T8, ông C, ông C1, ông U, ông S, ông T9, ông C2, bà D, anh A, anh V, bà M1, ông B1, bà T10, ông L2, anh L3, bà X1, ông T11, ông D1, chị Đ3, ông S1, ông N, ông T12, ông H2, bà T13, ông C3, ông T12, anh Đ3, anh H4, ông S2, anh K, ông T14, ông N1, ông Đ4, ông H5, ông H6, ông H8, bà T15, ông H7, ông M2, bà H9, bà T16, bà S3, ông T17, ông H10, ông M3, ông D2, ông C4, ông T11, ông Y đều ủy quyền cho ông Luyện Ngọc B trình bày: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Phong Châu(cũ) nay là UBND huyện Lâm T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B129141 ngày 5/06/1997 cho Hộ ông Luyện Đình L5 và bà Hà Thị T1. Buộc gia đình ông L5, bà T3 phải trả lại toàn bộ diện T2 710 m^2 cho dòng họ Luyện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Hà Thị T1, anh Luyện Xuân T2 đề nghị gia đình bà T3 cùng các con bà T3 được sử dụng 576 m^2, dòng họ Luyện được sử dụng 216 m^2 và gia đình bà T3 cùng các con thực hiện thủ tục cấp đổi GCNQSD đất đúng với diện tích đang sử dụng.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đã quyết định: Căn cứ Điều 125;126; điều 143, điều 166; điều 202, điều 203 Luật đất đai 2013; điều 115, điều 164, điều 166, điều 168, khoản 1 điều 579, Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 147, điều 157, điều 158, điều 165 và điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Luyện Ngọc B, về "*Tranh chấp về tài sản chung của dòng họ*". Hủy GCNQSD đất số B129141 ngày 5/06/1997 thửa số 130, tờ bản đồ số 03, tại khu 11, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cấp GCNQSD đất ngày 05/6/1997 đứng tên chủ hộ ông Luyện Đình L5. Giao cho Dòng họ Luyện quyền sử dụng đất đang quản lý theo các chỉ giới 3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,18,19,3 = 447,8 m^2 (100m^2 đất ở + 347.8m^2 đất vườn) = 541.736.000đ (Năm trăm bốn mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) (có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2020 kèm theo). Trên đất có 01 nhà thờ 3 gian diện tích 65 m^2 và cây cối lâm lộc trên diện tích đất tại khu 11 xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Hộ Gia đình bà T3 được quyền sử dụng đất đang quản lý theo các chỉ giới 1,2,3,19,18,13,14,15,16,1 = 359,1m^2 (100m^2 đất ở + 259,1m^2 đất vườn)= 531.920.000đ (Năm trăm ba mươi mốt triệu, chí trăm hai mươi nghìn đồng) (có sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 17/8/2020 kèm theo). Trên đất có 01 nhà cấp bốn 04 gian (Hiện nay anh

T12 sử dụng 02 gian, anh T2 sử dụng 02 gian, và công trình phụ) và được sở hữu toàn bộ tài sản cây cối lâm lộc trên phần diện tích đất tại khu 11 xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là ông Luyện Ngọc B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Luyện Ngọc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị: Ngoài diện tích đất mà bản án sơ thẩm đã quyết định, yêu cầu gia đình bà T3 phải trả 160m^2 giáp đất nhà thờ, còn lại diện tích khoảng 200m^2 để lại cho gia đình bà T3 sử dụng để ở.

Bị đơn bà Hà Thị T1 vắng mặt. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về nội dung, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; UBND huyện Lâm T, UBND xã Vĩnh L, một số người có quyền lợi liên quan vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định; Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị bị đơn trả lại diện tích đất 710m^2, tờ bản đồ số 03, thửa 130 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp tên chủ hộ ông Luyện Đình L5. Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan nhà nước theo quy định tại Điều 26, 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, thụ lý và giải quyết là có căn cứ.

[3]. Căn cứ lời khai các đương sự thì diện tích đất 710m^2, tờ bản đồ số 03, thửa số 130 tại Khu 16, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ trên đất có xây 1 nhà thờ 3 gian diện tích 65m^2 của dòng họ Luyện. Năm 1980, dòng họ cho ông Luyện Đình L5 và bà Hà Thị T1 là con cháu trong dòng họ đến ở. Quá trình ở gia đình ông L5 và bà T1 đã làm nhà, công trình phụ, xây dựng tường ngăn cách nhà thờ và ở trên diện tích đất 359,1m^2 đến nay. Năm 1993, ông Luyện Đình L5 kê khai, được cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích thửa đất trên vào năm 1997,

mang tên ông Luyện Đình L5. Theo cung cấp của UBND xã Vĩnh L, thì trước năm 1988 không lưu trữ được hồ sơ giấy tờ liên quan đến thửa đất trên. Năm 1988, căn cứ theo dõi quản lý ruộng đất và bản đồ đo đạc năm 1988, thửa đất trên thửa số 142, tờ bản đồ số 03, diện tích 800m^2 trong sổ theo dõi quản lý đất ghi: Ông Nguyễn Đình L5 sử dụng 1 sào 9 thước = 576m^2 ; Dòng họ Luyện sử dụng 9 thước = 216m^2. Đến năm 1993, xã Vĩnh L lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho nhân dân. Thời điểm này thì ông Luyện Đình L5 kê khai, được UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích thửa đất trên, cấp ngày 05/6/1997, mang tên "Ông Luyện Đình L5", trong đó thửa số 130, tờ bản đồ số 03, diện tích 710m^2 (200m^2 đất ở + 510m^2 đất vườn) và 1586m^2 đất lúa. Theo nguồn gốc đất đây là thửa đất của dòng họ Luyện đã có từ lâu đời, sau đó họ Luyện cho hộ ông Luyện Đình L5 ở nhờ. Đến năm 1993, do sơ suất nên đã cấp GCNQSDĐ toàn bộ thửa đất trên cho hộ ông Luyện Đình L5, nay dòng họ Luyện muốn lấy lại mảnh đất trên. Để đảm bảo quyền lợi giữa gia đình bà T1 và dòng họ Luyện, UBND xã đề nghị: Thu hồi thửa đất, tờ bản đồ số 03, diện tích 710m^2 (200m^2 đất ở + 510m^2 đất vườn). Cấp đổi cho ông Luyện Đình L5 ¼ diện tích thửa đất trên, tương đương với 180m^2 để hộ ông Luyện Đình L5 có nơi sinh sống, do gia đình ông Luyện Đình L5 có công cải tạo đất từ năm 1988, phần còn lại ¾ diện tích thửa đất trên (530m^2) cấp cho dòng họ Luyện. Như vậy, nguồn gốc đất là của dòng họ Luyện nhưng gia đình ông L5 và bà T1 quản lý, sử dụng từ năm 1980, kê khai hồ sơ địa chính và được cấp GCNQSDĐ năm 1997.

[4]. Năm 1980, ông Luyện Đình L5 và bà Hà Thị T1 ở trên diện tích đất này, khi mới về ở tại nhà thờ họ Luyện. Đến năm 1988, vợ chồng bà T1 xây một nhà ba gian để ở trên diện tích đất liền, phần còn lại phía trước là ao, sau đó san lấp đổ đất cải tạo ao để trở thành đất liền thửa. Hiện tại diện tích là 710m^2, thửa số 130, tờ số bản đồ 03 gồm có các tài sản sau: 01 nhà thờ dòng họ Luyện đã có từ lâu, khoảng 100 tuổi, 01 nhà cấp bốn xây năm 2005. Năm 2019, anh T12 xây dựng công trình phụ, diện tích nhà xây nối liền với nhà ba gian xây từ năm 1988. Hiện nay anh T12 sử dụng 02 gian, anh T2 sử dụng một gian, vị trí nhà: phía trước giáp sân; phía sau giáp với ông bà L, T; bên phải giáp nhà anh Nguyễn Mạnh H12, bên trái giáp nhà anh T2. Năm 2010, anh T2 xây dựng thêm 01 gian liền kề thành một nhà ở. Vị trí nhà: phía trước giáp sân, phía sau giáp đất nhà ông Luyện Đình Đ, bên trái giáp bức tường do dòng họ xây dựng từ lâu; bên phải giáp nhà anh T12. Năm 2002, dòng họ làm con đường đi vào nhà ông Luyện Đình Đ trên diện T2 đất, lối đi vẫn được sử dụng từ đó đến nay. Lối đi có 1 cạnh giáp bức tường do dòng họ Luyện xây dựng từ lâu, ngăn cách diện tích đất làm nhà ở bà T3 với diện tích đất làm nhà thờ họ; một cạnh lối đi giáp với sân của nhà thờ họ. Xét thấy, về ý chí của ông B và những người đứng về phía nguyên đơn, thể hiện năm 1980 đều nhất trí cho gia đình ông L5 và bà T1 ở trên đất, hàng năm dòng họ đều tổ chức giỗ tổ, thắp hương ngày lễ tết, biết rõ quá trình sử dụng và đồng ý việc gia đình bà T1 xây nhà và công trình phụ ở ổn định. Diện tích đất gia đình bà T1 có nguồn gốc là của dòng họ Luyện, cho vợ chồng ông L5 và bà T1 sử dụng xây nhà ở và sinh sống từ năm 1980 đến nay, ông L5 kê khai và được cấp GCNQSDĐ, khi Nhà nước thực hiện chính sách quản lý đất đai dòng họ Luyện không đăng ký kê khai, gia đình ông L5 và bà T1 sử dụng đã

xây dựng nhà, công trình phụ trên đất một thời gian dài, nhưng dòng họ Luyện không phản đối hoặc tranh chấp gì, không khởi kiện đòi đất. Trong khi đó, gia đình ông L5 và bà T1 đã sử dụng liên tục, đóng thuế sử dụng đất, xây nhà, chính dòng họ Luyện xây dựng tường bao phân định ranh giới đất, phân định phần đất gia đình ông L5 sử dụng với phần đất có nhà thờ họ Luyện, làm ngõ đi vào nhà ông Luyện Đình Đ. Mặc dù đất tranh chấp nguồn gốc của phía nguyên đơn, nhưng không sử dụng mà cho người khác quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài từ khi được giao đất, không đăng ký kê khai, phân định ranh giới, bị đơn xây nhà, công trình phụ ở một thời gian dài, không có bất cứ phản đối gì phần đất gia đình bà T1 sử dụng. Theo Điều 1, Điều 5, Điều 14 Luật Đất đai năm 1987 quy định: "Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý…Người đang sử dụng đất đai hợp pháp được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật này", "Nghiêm cấm việc nhận đất được giao mà không sử dụng..", Nhà nước thu hồi toàn bộ hoặc một phần trong những trường hợp sau đây: "Người sử dụng đất không sử dụng đất được giao trong 6 tháng liền…". Theo quy định nêu trên, người đang sử dụng đất được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng. Tại Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: "Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Tại Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 quy định những bảo đảm cho người sử dụng đất: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Như vậy, theo quy định của Luật Đất đai năm 1987, năm 1993 và năm 2003, thì diện tích đất tranh chấp không còn thuộc quyền sử dụng của dòng họ Luyện nữa. UBND huyện Lâm T trình bày việc gộp phần đất dòng họ Luyện và đất của hộ ông L5 vào một giấy chứng nhận số: B 129141 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1845 QSDĐ ngày 05/06/1997 của huyện Phong Châu cũ (nay là huyện Lâm T) cấp. Việc cấp Giấy chứng nhận là có sai sót nhưng lỗi sai sót là do cơ quan nhà nước, còn việc sử dụng trên thực tế là tách biệt không có sự nhầm lẫn, nhà thờ dòng họ Luyện đã và đang sử dụng đúng hiện trạng, gia đình bà Hà Thị T1 và các con cũng sử dụng đúng hiện trạng liên tục từ những năm 1980 đến nay, không lấn chiếm cũng không xâm phạm đến đất của dòng họ, giữa đất dòng họ và đất của gia đình bà T1 cùng các con, hiện trạng được ngăn cách nhau bằng một bức tường gạch và ngõ đi vào nhà ông Luyện Đình Đ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định của Luật Đất đai các thời kỳ, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị của chính quyền địa phương quyền lợi về chỗ ở, điều kiện hoàn cảnh cụ thể, quá trình quản lý sử dụng của gia đình bà T1, giao cho gia đình bà T1 được quyền sử dụng diện tích đất 359,1m^2 là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Cung cấp của UBND huyện Lâm T thể hiện theo bản đồ 299 xã Vĩnh

L đo đạc năm 1988, thửa đất tranh chấp là thửa đất số 142, thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 800m^2 đất thổ cư (không có ranh giới với diện tích đất nhà họ Luyện và đất của ông Luyện Đình L5). Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Luyện Đình L5, do UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp năm 1997. Hiện nay UBND huyện Lâm T chỉ còn lưu trữ hồ sơ: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, sổ địa chính, sổ mục kê địa chính và một số tài liệu khác... Năm 1993, đo đạc cấp giấy chứng nhận cho nhân dân, gia đình ông Luyện Đình L5 kê khai đăng ký thửa đất số 130, tờ bản đồ 03, diện tích 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn 510m^2). Căn cứ vào kết quả kê khai đăng ký, Hội đồng đăng ký đất đai xã Vĩnh L đã tiến hành xét duyệt các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận, thông báo công khai công khai các trường hợp đủ điều kiện. Sau khi xét duyệt xong, UBND xã Vĩnh L hoàn thiện hồ sơ trình UBND huyện Phong Châu (cũ) cấp giấy chứng nhận cho nhân dân. Ngày 05/6/1997, UBND huyện Phong Châu đã cấp cho 1988 hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn của xã Vĩnh L. Trong đó gia đình ông Luyện Đình L5 được cấp GCNQSDĐ số B129141 (số vào sổ 1845) ngày 05/6/1997, tại thửa số 130, tờ bản đồ số 03, diện tích đất 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn lại 510m^2). Việc cấp cho ông Luyện Đình L5 là đúng quy trình theo Luật Đất đai năm 1993. Quá trình đo đạc, kê khai đăng ký, kê khai toàn bộ diện tích đất của nhà thờ dòng họ Luyện và phần đất ông Luyện Đình L5 đang sử dụng (đã làm nhà ở) gộp thành thửa đất số, tờ bản đồ số 03, diện tích 710m^2 (đất ở 200m^2; đất vườn 510m^2). Gia đình ông L5 được cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích thửa trên (bao gồm diện tích đất dòng họ Luyện và phần đất của ông Luyện Đình L5 sử dụng) là có sai sót. Hiện nay thửa đất trên một phần diện tích gia đình ông Luyện Đình L5 đang sử dụng xây dựng nhà và công trình, phần còn lại họ Luyện sử dụng để làm nhà thờ của họ, nên đề nghị hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B129141 ngày 5/06/1997 của hộ ông Luyện Đình L5. Như vậy, trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Luyện Đình L5 chưa phù hợp quy định của pháp luật, ảnh hưởng quyền lợi của dòng họ Luyện. Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Luyện Đình L5 là có căn cứ.

[6]. Xét kháng cáo của nguyên đơn: Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình, thống nhất với những nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nào khác, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, nên cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Ông Luyện Ngọc B có đơn xin miễn án phí, xét ông B là người cao tuổi nên có căn cứ miễn án phí phúc thẩm cho ông B.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Luyện Ngọc B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Luyện Ngọc B không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực